PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS / MSDS — CHUẨN GHS 16 MỤC)

Soda Ash Light — Natri Cacbonat Na_2CO_3 99,2% (Soda Ash Light — Sodium Carbonate Na2CO3 99.2%) — Số CAS: 497-19-8

PHẦN I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

1. Tên sản phẩm / Tên thương mại	**Soda Ash Light — Natri Cacbonat Na_2CO_3 99,2%** (Soda Ash Light — Sodium Carbonate Na2CO3 99.2%)
Công thức hóa học & Số CAS / UN	Công thức: **Na_2CO_3** | Số CAS: **497-19-8** | Số UN: **Không phân loại hàng nguy hiểm vận chuyển**
2. Mục đích sử dụng công nghiệp	Cầm màu thuốc nhuộm hoạt tính vải Cotton chuẩn ZDHC Level 1, làm mềm nước, sản xuất thủy tinh và chất tẩy rửa
3. Thông tin Nhà cung cấp & Liên hệ khẩn cấp 24/7	**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LỘC THIÊN** Trụ sở pháp lý: 452/6B Tỉnh Lộ 10, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh Hệ thống 6 kho: BR-VT (Phú Mỹ), Đồng Nai (Long Thành), Bình Dương (Dĩ An), Đà Nẵng (Hòa Khánh), Cần Thơ (Ô Môn), Bắc Ninh (Tiên Du) Hotline kỹ thuật & ứng cứu sự cố: **0979 891 929** | Email: **locthien@locthien.vn** | Web: https://hoachatlocthien.com/msds/na2co3

PHẦN II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT (GHS)

Phân loại nguy hiểm theo GHS	**Eye Irrit. 2A (Causes serious eye irritation, H319)** 严重眼损伤/眼刺激 类别2A（造成严重眼刺激 H319）
Cảnh báo & Đường phơi nhiễm	Tuân thủ nghiêm ngặt quy định an toàn tại nơi làm việc theo Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 và QCVN 05:2021/BYT.

PHẦN III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần hóa học chính	Soda Ash Light — Sodium Carbonate Na2CO3 99.2% (Na_2CO_3) — Số CAS: 497-19-8
Hàm lượng & Quy cách thương mại	Tổng kiềm Na_2CO_3 ≥ 99,2%, Clorua ≤ 0,4%, Sắt ≤ 0,004%, bao 25kg/50kg (TÜV SÜD ZDHC Level 1)

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mắt: Rửa kỹ bằng nước sạch ít nhất 15 phút, tháo kính áp tròng nếu có. Đến cơ sở y tế nếu kích ứng mắt kéo dài (H319). Da: Rửa sạch bằng nước và xà phòng nhẹ. Hô hấp: Di chuyển ra nơi thoáng khí.

PHẦN V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Bản thân sản phẩm là hóa chất vô cơ không tự bốc cháy. Khi có đám cháy bao quanh khu vực kho, sử dụng bình bột khô, CO_2 hoặc phun sương nước làm mát bao bì/bồn chứa ở đầu gió. Nhân viên cứu hỏa trang bị mặt nạ phòng độc và đồ bảo hộ chịu hóa chất.

PHẦN VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ TRÀN ĐỔ

Trang bị đầy đủ PPE trước khi tiếp cận khu vực sự cố. Cô lập khu vực rò rỉ, ngăn không cho hóa chất tràn trực tiếp xuống cống thoát nước mưa. Đối với hóa chất rắn: thu gom khô vào thùng chứa HDPE có nắp đậy. Đối với hóa chất lỏng: quây đê cát/vật liệu thấm hút trơ và trung hòa kiểm soát pH trước khi dẫn về trạm XLNT tập trung.

PHẦN VII. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Bảo quản trên kệ rack/pallet trong kho khô ráo, thoáng mát, bao PP lót PE buộc kín tránh hút ẩm vón cục. Tách biệt hoàn toàn với khu vực chứa axit (tiếp xúc axit giải phóng khí CO_2).

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN (PPE)

Kính bảo hộ chống bụi hóa chất, khẩu trang chống bụi, găng tay bảo hộ cao su Nitrile khi pha chế tại phòng bếp hóa chất (Chemical Kitchen).

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bột tinh thể trắng mịn, dễ hút ẩm; pH (dung dịch 1% ở 25°C): 11,3 – 11,5; Tỷ trọng khối (Bulk density): 0,55 – 0,65 g/cm³; Nhiệt độ nóng chảy: 851°C; Độ tan trong nước: 215 g/L (20°C). Đạt chứng nhận TÜV SÜD ZDHC MRSL v3.1 Conformance Level 1 (Cert No. ZDHC1 127736 0004 Rev. 00 | Report No. 2438023998).

PHẦN X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Ổn định trong điều kiện bảo quản và vận hành công nghiệp tiêu chuẩn. Tránh tiếp xúc với các chất không tương thích (axit mạnh đối với chất kiềm/muối cacbonat; kiềm mạnh và kim loại nhẹ đối với axit).

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tuân thủ phân loại độc tính cấp tính và ăn mòn/kích ứng da-mắt theo GHS (Eye Irrit. 2A (Causes serious eye irritation, H319)). Không được 분류 là chất gây ung thư theo danh mục IARC/OSHA.

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

Không xả trực tiếp hóa chất chưa qua trung hòa/xử lý ra nguồn tiếp nhận tự nhiên. Nước thải sau công đoạn sản xuất phải được đưa về hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT trước khi xả thải.

PHẦN XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Chất thải và bao bì dính hóa chất được quản lý, thu gom và bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải công nghiệp/nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và Luật Hóa chất 69/2025/QH15.

PHẦN XIV. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Số UN: **Không phân loại hàng nguy hiểm vận chuyển**. Vận chuyển bằng phương tiện xe tải thùng / xe bồn chuyên dụng của Hóa Chất Lộc Thiên tuân thủ Nghị định quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đường bộ.

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Tuân thủ Luật Hóa chất số **69/2025/QH15**; Nghị định **24/2026/NĐ-CP**, **25/2026/NĐ-CP** và **26/2026/NĐ-CP** quy định chi tiết thi hành Luật Hóa chất; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia **QCVN 05:2021/BYT** và **QCVN 40:2025/BTNMT**.

PHẦN XVI. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày hiệu lực bản cập nhật: **Năm 2026 (Phiên bản chuẩn hóa GHS 16 mục)**.
Đơn vị biên soạn & phát hành: **Phòng Kỹ Thuật & QA/QC — Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lộc Thiên**.

© Hoa Chat Loc Thien — MST 0313650856 — hoachatlocthien.com/msds/na2co3 — Hotline: 0979 891 929 — Email: locthien@locthien.vn